

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Số: 598 /TCKH

V/v Phòng Giáo dục và Đào tạo
đề nghị duyệt Kế hoạch mua sắm
trang thiết bị phục vụ chuyên
môn ngành giáo dục năm 2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2017

UBND QUẬN TÂN BÌNH	
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND	
ĐẾN	Số: 1981
	Ngày: 26/5/2017
Chuyển:	

Kính gửi: Thường trực Ủy ban nhân dân
quận Tân Bình.

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 480/STC-CT-KBNN ngày 17/01/2017 của Liên Sở Tài chính - Cục thuế - Kho bạc Nhà nước thành phố về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2017;

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân quận tại Phiếu chuyển số 824Q/VP ngày 13/3/2017 của Văn phòng HĐND-UBND quận Tân Bình “Chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, tham mưu Thường trực UBND quận chỉ đạo gấp”; kèm theo Công văn số 114/GDDT-CSVC ngày 14/02/2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc xin duyệt kế hoạch mua sắm tài sản năm 2017,

Sau khi kiểm tra, Phòng Tài chính - Kế hoạch kính trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận như sau:

Theo nội dung Công văn số 114/GDDT-CSVC ngày 14/02/2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã kiểm tra và tổng hợp danh mục mua sắm trang thiết bị, phương tiện giảng dạy thiết yếu phục vụ công tác dạy và học của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Bồi dưỡng giáo dục và Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp.

Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao; Phòng Tài chính - Kế hoạch kính trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét, **duyet chủ trương cho các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trang bị (thay thế, bổ sung) máy in, bàn ghế học sinh,... với tổng số tiền khoảng 2.049.080.000đ (Hai tỷ không trăm bốn mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)** theo Phụ lục 01 đính kèm.

Nếu được chấp thuận, các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập sẽ được **bổ sung Dự toán chi ngân sách năm 2017 (Kinh phí hoạt động không thường xuyên)** từ dự toán chi Sự nghiệp khác của Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo năm 2017 phân bổ cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Đồng thời, Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm phối hợp:

- Triển khai Văn bản sau khi Thường trực Ủy ban nhân dân quận duyệt chủ trương đến các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập để thực hiện đúng quy định.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập tiến hành thủ tục mua sắm trang thiết bị theo phương thức phù hợp và có thời gian hoàn thành **trước ngày 30/6/2017**; quyết toán theo sổ chi phí thực tế phát sinh, kèm chứng từ hợp pháp, hợp lệ đúng quy định.

Riêng đối với việc:

- Mua sắm bộ bàn, ghế và hệ thống âm thanh hội trường của trường MN Tuổi Xanh, trường MN Bàu Cát:

Căn cứ Công văn số 9033/STC-CS ngày 18/11/2016 của Sở Tài chính v/v thực hiện Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, Sở Tài chính có nêu:

- Giải thích từ ngữ: máy móc, thiết bị trang bị tại các **phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ và các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan**, tổ chức, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 là bàn ghế, máy chiếu, tivi, thiết bị âm thanh và máy móc, thiết bị khác.

- Việc trang bị máy móc, thiết bị tại các phòng để phục vụ chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị do **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức**.

Ngày 10/3/2017, Phòng Tài chính - Kế hoạch đã tham mưu Ủy ban nhân dân quận Tân Bình Công văn số 370/UBND-TC về việc kiến nghị mua sắm máy móc thiết bị thuộc danh mục mua sắm tập trung và theo quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân thành phố. Trong đó, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận một số nội dung có liên quan đến việc mua sắm máy móc, thiết bị tại các phòng để phục vụ hoạt động chung.

Ngày 19/4/2017, Sở Tài chính có Công văn số 3094/STC về việc mua sắm tập trung theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, phúc đáp như sau: *"Hiện nay, Sở Tài chính đang tổng hợp báo cáo nêu trên, trình Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính Phủ. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân quận Tân Bình chờ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để thống nhất thực hiện theo quy định"*.

Vì vậy, sau khi có Văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ trang bị máy móc, thiết bị tại các phòng hoạt động chung, ... (chủng loại, số lượng, giá mua) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Ủy ban nhân dân thành phố; Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ tham mưu Thường trực Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn các đơn vị trên mua sắm từ nguồn kinh phí đã được bổ sung dự toán chi năm 2017.

- Mua sắm trang thiết bị của các trường theo Phụ lục 02 đính kèm: qua kiểm tra một số trang thiết bị chưa đủ thời gian tính hao mòn hoặc đã được trang bị nên

Phòng Tài chính - Kế hoạch không có cơ sở tham mưu, đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân quận duyệt.

- Mua sắm trang thiết bị của các trường theo Phụ lục 03 đính kèm: đề nghị các đơn vị cân đối từ **nguồn tài chính năm 2017** để thực hiện theo đúng quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ thẩm định giá khi các đơn vị có nhu cầu.

Kính trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét và quyết định.

Nơi nhận:

- TTUB quận “xin ý kiến chỉ đạo”;
 - Phòng GD và ĐT
 - Các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập
 - Lưu: VT, HCVX, NSKH, QLCS-G.
- } “để biết và phối hợp thực hiện”;



Bùi Chí Để

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN - TRANG THIẾT BỊ KHỞI GIÁO DỤC NĂM 2017
NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Đvt: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
I	Mầm non				810.350	
1	Mầm non 1	Bàn mẫu giáo	26	500	13.000	
		Ghế mẫu giáo (nhựa)	45	250	11.250	
		Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	4	2.200	8.800	
		Tủ đông lạnh	1	7.000	7.000	
	Cộng				40.050	
2	Mầm non 2	Máy sấy khăn công nghiệp	1	90.000	90.000	
		Cộng			90.000	
3	MN Kim Đồng	Kệ giỏ dép ván cao su	8	6.600	52.800	
		Cộng			52.800	
4	Mầm non 3	Máy giặt	1	13.000	13.000	
		Ti vi LCD 43 inch	1	9.000	9.000	
	Cộng				22.000	
5	MN Sao Sáng	Xe đẩy bàn học sinh	2	8.800	17.600	
		Kệ để vật dụng âm nhạc	1	5.000	5.000	
		Tủ đựng trang phục	1	5.000	5.000	
		Hệ thống âm thanh phòng chức năng	1	9.300	9.300	
		Gương mùa, gióng mùa	1	14.000	14.000	
		Bộ đồ chơi vận động ngoài trời	3	17.000	51.000	
	Cộng				101.900	
6	MN Tân Sơn Nhất	Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
		Tủ đông lạnh	1	7.000	7.000	
	Cộng				10.000	
7	MN Quận	Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	5	2.200	11.000	
		Xe chia thức ăn nhóm lớp	5	8.800	44.000	
	Cộng				55.000	
8	Mầm non 5	Tủ hồ sơ	1	5.000	5.000	
		Cộng			5.000	
9	Mầm non 6	Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
		Cộng			3.000	
10	MN Tuổi Xanh	Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	
		Hệ thống âm thanh hội trường	1	22.000	22.000	
	Cộng				67.000	
11	Mầm non 9	Máy in Laser A4	2	3.000	6.000	
		Bàn làm việc 1200x600x780	2	3.400	6.800	
		Tủ lạnh lưu nghiệm thức ăn	1	2.700	2.700	
		Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	5	2.200	11.000	
		Xe trung chuyển thức ăn	1	8.200	8.200	
		Bộ đồ chơi vận động ngoài trời	1	17.000	17.000	
		Bàn mẫu giáo	10	500	5.000	
		Ghế mẫu giáo (nhựa)	50	250	12.500	
		Tủ cặp học trò	4	6.600	26.400	
	Cộng				95.600	
12	MN Vườn Hồng	Tủ hồ sơ	2	5.000	10.000	
		Bàn mẫu giáo	10	500	5.000	
		Ghế mẫu giáo (nhựa)	40	250	10.000	
		Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	6	2.200	13.200	
	Cộng				38.200	

STT	Tên đơn vị	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
13	Mầm non 10	Loa kéo di động	1	8.000	8.000	
		Bàn mẫu giáo	30	500	15.000	
		Ghế mẫu giáo (nhựa)	90	250	22.500	
	Cộng				45.500	
14	MN Phú Hòa	Ghế mẫu giáo (nhựa)	100	250	25.000	
	Cộng				25.000	
15	Mầm non 11	Bàn mẫu giáo	16	500	8.000	
		Bàn vi tính văn phòng	2	3.400	6.800	
		Bồn rửa rau Inox	1	15.000	15.000	
		Tủ chờ sau khi chế biến thực phẩm	1	18.000	18.000	
	Cộng				47.800	
16	MN Bàu Cát	Tủ văn phòng	6	5.000	30.000	
		Ghế xếp hội trường (Chân sắt sơn tĩnh	60	300	18.000	
		Bàn gỗ họp hội trường	5	1.700	8.500	
	Cộng				56.500	
17	Mầm non 15	Ghế xếp hội trường (Chân sắt sơn tĩnh	50	300	15.000	
		Ghế nhà trẻ (nhựa)	100	250	25.000	
		Bàn nhà trẻ	30	500	15.000	
	Cộng				55.000	
II	Tiểu học		-	-	1.115.450	
1	Lê Văn Sỹ	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	25	1.900	47.500	
	Cộng				47.500	
2	Tân Sơn Nhất	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
	Cộng				38.000	
3	Phạm Văn Hai	Tủ lớp cho giáo viên	20	4.400	88.000	
	Cộng				88.000	
4	Bạch Đằng	Bàn giáo viên	15	3.400	51.000	
		Ghế xếp (Chân sắt sơn tĩnh điện mặt	50	300	15.000	
	Cộng				66.000	
5	Chi Lăng	Tủ đựng hồ sơ	3	8.000	24.000	
		Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
		Máy chiếu, màn hình chiếu	1	20.000	20.000	
	Cộng				47.000	
6	Bành Văn Trân	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
		Bàn ghế học sinh 2 chỗ 1 buổi, ghế rời	20	1.650	33.000	
	Cộng				71.000	
7	Lê Anh Xuân	Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	
	Cộng		-	-	45.000	
8	Lý Thường Kiệt	Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	
		Tủ lớp cho giáo viên	5	4.400	22.000	
		Tủ thiết bị- thư viện	4	5.000	20.000	
		Tủ văn phòng	4	5.000	20.000	
	Cộng				107.000	
9	Phú Thọ Hoà	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	24	1.900	45.600	
	Cộng				45.600	
10	Lạc Long Quân	Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
		Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	30	1.900	57.000	
		Tủ văn phòng	1	5.000	5.000	
		Bàn làm việc 1400x700x760	2	4.400	8.800	
		Tủ sách thư viện	4	7.000	28.000	
		Bàn giáo viên	3	3.400	10.200	
	Cộng				112.000	
11	Nguyễn Khuyến	Bảng từ 1200x3600	6	2.850	17.100	
		Bàn giáo viên	10	3.400	34.000	
		Tủ lớp	10	4.400	44.000	
		Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục trang thiết bị	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
		Bàn ghế học sinh 2 chỗ 1 buổi, ghế rời	20	1.650	33.000	
	Cộng				166.100	
12	Trần Quốc Tuấn	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
		Máy in Laser A4	2	3.000	6.000	
	Cộng				44.000	
13	Trần Quốc Toàn	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
	Cộng				38.000	
14	Sơn Cang	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	80	1.900	152.000	
	Cộng				152.000	
15	Nguyễn Văn Kịp	Bảng từ 1200x3600	15	2850	42.750	
	Cộng				42.750	
16	Thân Nhân Trung	Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
		Tủ sắt chuyên dùng phục vụ công tác bảo	1	2.500	2.500	
	Cộng				5.500	
III	THCS		-	-	87.100	
1	Trần Văn Đăng	Bảng từ 1200x3600	10	2.850	28.500	
		Ghế phòng thư viện thực hành Inox	30	380	11.400	
		Bàn thực hành thí nghiệm	2	7.500	15.000	
	Cộng				54.900	
2	Võ Văn Tấn	Bảng từ 1200x2400	8	1.900	15.200	
	Cộng				15.200	
3	Phạm Ngọc Thạch	Ti vi LCD 43 inch	1	9.000	9.000	
		Loa kéo di động	1	8.000	8.000	
	Cộng				17.000	
IV	Khác				36.180	
	Trường BDGD	Máy chiếu Projector	2	18.090	36.180	
V	Tổng cộng		-	-	2.049.080	

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐẢM BẢO THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN, ĐÃ CÓ HOẶC KHÔNG THỰC HIỆN

Đvt: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Đanh mục mua sắm 2016	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
I	Mầm non				147.600	
1	Mầm non 1	Máy giặt	1	13.000	13.000	Không thực hiện
2	MN Sao Sáng	Bục sân khấu	1	25.000	25.000	Phục vụ sinh hoạt chung
3	Mầm non 9	Máy quét mã vạch	1	3.600	3.600	Không thực hiện
		Quạt treo tường	25	400	10.000	Không thực hiện
		Xe ly	1	4.400	4.400	Không thực hiện
		Hệ thống âm thanh phòng chức năng	2	9.300	18.600	Không thực hiện
		Bộ dụng cụ phòng âm nhạc	5	200	1.000	Không thực hiện
		Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	Không thực hiện
		Máy bơm nước	1	2.000	2.000	Đã thực hiện
4	Mầm non 12	Máy xay thịt	1	25.000	25.000	Chưa đủ thời gian tính hao mòn
II	Tiểu học				90.000	
1	Nguyễn Văn Trỗi	Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	Trường đã có 1 cái, trang bị năm 2014.
2	Lạc Long Quân	Hệ thống âm thanh trường học	1	45.000	45.000	Trường đã có 1 cái, trang bị năm 2014.
III	Tổng cộng		-	-	237.600	

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG HỢP CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ NĂM 2017

Đvt: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm 2016	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
I	Mầm non				502.100	
1	Mầm non 1	Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	4	2.200	8.800	
		Máy xay sinh tố	1	2.500	2.500	
2	MN Sao Sáng	Xe đẩy bàn học sinh	12	8.800	105.600	
3	Mầm non 4	Đồ chơi lắp ráp Logo	7	5.000	35.000	
4	MN Quận	Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	5	2.200	11.000	
		Xe chia thức ăn nhóm lớp	8	8.800	70.400	
		Bảng học sinh mầm non khối lá	5	900	4.500	
5	Mầm non 9	Kệ gỗ góc chơi mẫu giáo	15	2.200	33.000	
		Giường phòng y tế	1	4.400	4.400	
		Bàn mẫu giáo	10	500	5.000	
		Ghế mẫu giáo (nhựa)	50	250	12.500	
		Tủ cặp học trò	4	6.600	26.400	
		Tủ đựng đồ mùa phòng âm nhạc	2	5.000	10.000	
		Ván dọc thể dục	4	1.350	5.400	
		Địch thẳng đứng	4	600	2.400	
		Bục bật	6	700	4.200	
		Bảng ghế thể dục	8	1.350	10.800	
		Công chui	6	500	3.000	
		Đàn organ	1	9.000	9.000	
6	Mầm non 11	Bàn vi tính văn phòng	2	3.400	6.800	
		Kệ để đàn organ	1	4.400	4.400	
7	Mầm non 14	Máy chiếu, màn hình chiếu	1	20.000	20.000	
		Máy quay phim	1	10.000	10.000	
		Máy chụp hình	1	3.000	3.000	
8	MN Bàu Cát	Bộ đồ chơi ngoài trời Composite liên hoàn	1	94.000	94.000	
II	Tiểu học				484.010	
1	Bạch Đằng	Tủ chiếu gối	15	5.000	75.000	
2	Nguyễn Khuyến	Bàn giáo viên	5	3.400	17.000	
		Tủ lớp	5	4.400	22.000	
3	Trần Quốc Tuấn	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
4	Trần Quốc Toản	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	20	1.900	38.000	
5	Sơn Cang	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	80	1.900	152.000	
6	Nguyễn Văn Kịp	Bàn giáo viên	7	3.400	23.800	
		Tủ đồ dùng dạy học của giáo viên	7	5.000	35.000	
		Tranh T/V L2 (tập 1) - HK1 - tranh nh	3	1.450	4.350	
		Tranh T/V L2 (tập 2) - HK2- tranh nh	3	1.100	3.300	
		Bộ Toán lớp 2 (GV) - không ni	3	600	1.800	
		Bảng ni toán 1,2,3 (GV)	3	360	1.080	
		Cân Toán 2	3	460	1.380	
		Bộ quả cân 6kg	3	600	1.800	
		Bộ quả cân 8kg	3	900	2.700	
		Ca 1 lít	3	20	60	
		Chai 1 lít	3	20	60	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm 2016	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
7	Thân Nhân Trung	Tranh Tự nhiên XH 2-tranh nhựa	3	530	1.590	
		Tranh Đạo Đức 2 -tranh nhựa	3	230	690	
		Bộ tranh Mỹ Thuật lớp 2	3	150	450	
		Bộ tranh thiếu nhi (thường thức MT 2)	3	130	390	
		Bộ tranh Thủ Công lớp 2 - tranh giấy	3	510	1.530	
		Bộ tranh dạy Thể Dục lớp 2	3	170	510	
		Bộ mẫu chữ dạy tập viết (40tờ)	3	170	510	
		Mẫu chữ viết trong trường T.học (8tờ)	3	170	510	
		Bộ chữ viết mẫu tên riêng (32tờ/bộ)	3	290	870	
		Tranh T/V L3 (tập 1) - HK1 - tranh nhựa	3	1.100	3.300	
		Tranh T/V L3 (tập 2) - HK2- tranh nhựa	3	1.150	3.450	
		Bộ Toán Lớp 3 (GV) - không ni	3	540	1.620	
		Tranh TNXH L3 (52tr)-tranh nhựa	3	810	2.430	
		MH trái đất....., mặt trăng quay quanh...	3	1.290	3.870	
		Bộ tranh Mỹ Thuật 3 (8tờ/bộ)	3	150	450	
		Bộ tranh các họa sĩ VN (thường thức MT3)	3	120	360	
		Tranh Đạo Đức L3 - tranh nhựa	3	180	540	
		Bộ tranh Âm Nhạc 3 (1tờ/bộ)	3	30	90	
		Tranh Thủ Công L3 -tranh nhựa	3	490	1.470	
		Tranh Thể Dục 3 (10tờ) -tranh giấy couche	3	240	720	
		Tranh Tiếng Việt L4 - tranh nhựa	3	1.560	4.680	
		Tranh Kể chuyện L4 - tranh giấy	3	240	720	
		Tranh Tập Làm Văn L4 - tranh giấy	3	160	480	
		Bộ hình học nhựa Toán 4 (GV)	3	370	1.110	
		Bảng Mét vuông - kẻ ô vuông	3	270	810	
		Bảng ni Toán 4	3	360	1.080	
		Bộ Toán TH Lớp 4 (HS)	3	30	90	
		Tranh Đạo Đức L4 - tranh nhựa	3	170	510	
		Tranh Khoa học L4 -tranh nhựa	3	720	2.160	
		Bộ DC Khoa học Lớp 4	3	1.600	4.800	
		Bộ bản đồ Lịch sử 4 (bộ/5tờ)-tranh giấy couche	3	190	570	
		Bộ bản đồ Địa Lý 4 (2 tờ)-tranh giấy couche	3	80	240	
		Tranh LS và Địa Lý 4 -tranh nhựa	3	550	1.650	
		Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	3	860	2.580	
		Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu 4 (GV)	3	430	1.290	
		Bộ tranh Mỹ Thuật 4 (bộ/7tờ)	3	160	480	
		Tranh dân gian VN (thường thức MT4)	3	130	390	
		Bộ tranh Âm Nhạc 4 (bộ/8tờ)	3	180	540	
		Bộ tranh Thể dục 4 (bộ/10tờ)	3	230	690	
		Tranh Tiếng Việt L5 -tranh nhựa	1	1.550	1.550	
		Tranh kể chuyện L5 - tranh giấy	1	230	230	
		Hình tròn L5 (bộ 6 hình)	1	200	200	
		Hình thang L5 (bộ 2 hình)	1	70	70	
		Hình tam giác L5 (bộ 2 hình)	1	60	60	
		Hình chữ nhật biểu diễn tính thể tích L5	1	90	90	
		Hình chữ nhật (200x160x100) mm L5	1	150	150	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm 2016	Số lượng	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1x2	4
		Hình lập phương biểu diễn tính thể tích	1	50	50	
		Hình lập phương cạnh 40mm L5 (bằng gỗ)	1	80	80	
		Hình lập phương cạnh 200mm L5	1	230	230	
		Hình trụ cao 150mm L5	1	80	80	
		Hình cầu d=200mm L5	1	100	100	
		Ê-ke nhựa 30-40-50	7	30	210	
		Compa nhôm	7	40	280	
		Thước nhôm 0,5m	7	40	280	
		Thước nhôm 1m đẹp	7	70	490	
		Tranh Đạo Đức L5 -tranh nhựa	1	170	170	
		Tranh Khoa Học L5 - tranh nhựa	1	1.800	1.800	
		Bộ mẫu tơ sợi Lớp 5	1	80	80	
		Mô hình " Bánh xe nước" Lớp 5	1	310	310	
		Bản đồ Lịch Sử Lớp 5 (3 tờ)-mới	1	120	120	
		Tranh Lịch Sử L5 -tranh nhựa	1	220	220	
		Tranh Địa Lý L5 -tranh nhựa	1	350	350	
		Bộ bản đồ Địa Lý Lớp 5 (6tờ)	1	250	250	
		Bộ DC, VL cắt, khâu, thêu Lớp 5 (GV)	1	420	420	
		Bộ lắp ghép MH kỹ thuật (GV) L4+L5	1	850	850	
		Tranh Kỹ Thuật L5 -tranh nhựa	1	660	660	
		Bộ tranh Mỹ Thuật L5	1	100	100	
		Tranh họa sĩ thể giới (thường thức MT5)	1	50	50	
		Bộ tranh Âm Nhạc 5 (8 tờ)-tranh giấy	1	180	180	
		Bộ tranh Thể Dục Lớp 5 (8 tờ)-tranh giấy	1	180	180	
		Bảng nhóm bằng nhựa (0,4x0,6)m	45	40	1.800	
		Bảng phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm	25	80	2.000	
		Nam châm bọc sắt d=32	220	7	1.540	
		Sách GV khối 1	1	410	410	
		Sách tham khảo khối 1	1	410	410	
		Sách giáo khoa khối 1	1	410	410	
III	THCS				785.700	
1	Ngô Sĩ Liên	Bàn ghế học sinh 2 chỗ 1 buổi, ghế rời	100	1.650	165.000	
2	Trần Văn Đang	Hệ thống âm thanh phòng học	17	8.500	144.500	
3	Nguyễn Gia Thiều	Bàn ghế học sinh 2 chỗ 1 buổi, ghế rời	100	1.650	165.000	
4	Hoàng Hoa Thám	Bàn ghế học sinh 2 chỗ 1 buổi, ghế rời	48	1.650	79.200	
		Bàn giáo viên	10	3.400	34.000	
5	Tân Bình	Bàn ghế học sinh 2 chỗ bán trú, ghế rời	100	1.900	190.000	
6	Phạm Ngọc Thạch	Máy in Laser A4	1	3.000	3.000	
7	Ngô Quyền	Tủ học bạ	1	5.000	5.000	
IV	Tổng cộng		-	-	1.771.810	